

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA-THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thương
2. Ông Đỗ Khắc Kiếm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Quang - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - KSV

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế A - Sinh năm 1974

Địa chỉ: SN NĐ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị D - Sinh năm 1969

Địa chỉ: SN NĐ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Dung.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/10/2023, bản tự khai, ý kiến trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thế A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị D kết hôn năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm cách sống luân trái ngược nhau, dẫn đến không khí trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng. Bản thân

hai vợ chồng đã tìm nhiều giải pháp để hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L – Sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thế H – Sinh ngày 04/4/2007. Cháu L đã thành niên ở với ai là quyền của cháu nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, còn cháu H đang còn nhỏ nên anh xin trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ: Anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 30/10/2023 chị Phạm Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế A kết hôn năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm cách sống luân trái ngược nhau, dẫn đến không khí trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng. Bản thân hai vợ chồng đã tìm nhiều giải pháp để hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay anh Thế A làm đơn xin ly hôn, chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Thế Anh có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L - Sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thế H – Sinh ngày 04/4/2007. Cháu L đã thành niên ở với ai là quyền của cháu, còn cháu H đang còn nhỏ nên đồng ý để anh Thế A trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Nguyễn Thế A, chị Phạm Thị D sinh sống và cư trú tại SN ND, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ trong sổ hộ tịch tại UBND phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá thì anh Thế A và chị D không có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào khu phố không biết nhưng vợ chồng có lời qua tiếng lại. Về con chung anh, chị có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L - Sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thế H – Sinh ngày 04/4/2007. Về tài sản, công nợ vợ chồng có gì khu phố không biết. Nay anh chị ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Thế A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị D vắng mặt.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của anh Thế Anh kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định; Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thế A và chị D; Án phí: anh Thế A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Thế A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn tại thành phố Thanh Hóa, do đó Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị Dung có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thế A, chị Phạm Thị D chung sống với nhau từ năm 1998. Theo trình bày của anh, chị thì mặc dù vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án UBND phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá cũng có xác nhận sổ lưu đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND phường anh, chị không đăng ký kết hôn. Do đó có đủ cơ sở khẳng định anh Thế A, chị D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan thẩm quyền. Theo quy định tại nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 thì nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 mà không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 14 - Luật Hôn nhân và gia đình, giữa chị D và anh Thế A không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đến nay anh chị đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Thế A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn, chị D đồng ý.

Xét mâu thuẫn giữa anh Thế A, chị D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh Thế A là có cơ sở và tự nguyện, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 điều 53 của Luật HN&GD không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thế A và chị D.

[2.2] *Về con chung*: Anh Thế A và chị D có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L – Sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thế H – Sinh ngày 04/4/2007. Anh Thế A xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị D đồng ý. Tại ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thế H nguyện vọng của cháu xin ở với bố. Xét thoả thuận của anh, chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi ích của con nên chấp nhận. Còn cháu Khánh Ly đã thành niên ở với ai là quyền của cháu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thế A và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Anh Thế A chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1, điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thế A, chị Phạm Thị D.

Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thị Khánh L – Sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thế H – Sinh ngày 04/4/2007 là con chung của anh Nguyễn Thế A, chị Phạm Thị D. Giao cháu Thế H cho anh Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu Khánh L đã thành niên ở với ai là quyền của cháu.

Chị D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thế A và chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh Thế A chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu số 0002815 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Như trên:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP. Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA -**

(đã ký)

Phạm Văn Hào